

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.
- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**;
2. Ông **Trần Hải Đăng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lữ Cẩm Nhung - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2021/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Võ Thị Bích L**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp Phước Chung, xã Mong T B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

2. **Bị đơn:** Anh **Dương Văn B**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp Phước C, xã Mong T B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh B vắng mặt phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 24 - 3 - 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Bích L trình bày: Vào năm 2010 chị và anh Dương Văn B về chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang. Qua thời gian chung sống chị và anh B có với nhau 02 người con chung tên

Dương Quốc Khang, sinh ngày 31/10/2013 và Dương Quốc Minh, sinh ngày 18/9/2011 hiện đang sống cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Thời gian đầu chị và anh B sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, tuy bản thân chị muốn duy trì cuộc hôn nhân này để lo cho con nhưng không thành nên chị và anh B đã ly thân với nhau từ tháng 11/2019 đến nay.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Bích L yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Dương Văn B.
- *Về việc nuôi con chung:* Chị Bích L xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Quốc Khang, sinh ngày 31/10/2013 và Dương Quốc Minh, sinh ngày 18/9/2011, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.
- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Bình vẫn không gửi văn bản ý kiến đến Tòa án để xem xét. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng chị La và anh Bình có cơ hội hàn gắn nhưng anh Bình vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Võ Thị Bích L được ly hôn với anh Dương Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Bích L khởi kiện “*Tranh chấp ly hôn*” với anh Dương Văn B và hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Phước Chung, xã Mong T B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Dương Văn B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 theo quy định pháp luật nhưng anh Bình vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bích L và anh Dương Văn B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2015 và được UBND xã Mong T B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn B: Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị Bích L xác nhận chị và anh B sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài sau đó vợ chồng thường hay mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau do không cùng quan điểm sống, anh B ăn nhậu, chị đã khuyên anh B từ bỏ nhưng không thành và anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho để anh B biết và mời anh Bình lên làm việc nhưng anh B vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án điều này thể hiện anh B không muốn hòa giải, hàn gắn để được đoàn tụ với chị Bích L. Mặc khác tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2020 của tổ hòa giải ấp Phước Chung, anh B cũng thừa nhận mình sai vì đã nhiều lần chửi, đánh chị Bích L, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Bích L và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay đồng thời tại phiên tòa chị Bích L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh B, không muốn hàn gắn, đoàn tụ. HĐXX xét thấy, chị Bích L không muốn tiếp tục chung sống với anh B nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bích L về việc xin ly hôn với anh B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Bích L xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Dương Quốc Khang, sinh ngày 31/10/2013 và Dương Quốc Minh, sinh ngày 18/9/2011, hiện các con đang sống cùng chị và chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Mặc khác tại biên bản ghi ý kiến của cháu Minh và cháu Khang cho thấy đều có nguyện vọng sống với chị Bích L nên HĐXX thống nhất giao 02 cháu cho chị Bích L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Bích L về quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Minh và cháu Khang cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Bích L xác định không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng nuôi con và việc chị Bích L không yêu cầu anh Bình phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Võ Thị Bích L xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này chị Bích L và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh chị đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Về nợ chung: Chị Võ Thị Bích L xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bích L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Bích L và anh Dương Văn B.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Dương Quốc Khang, sinh ngày 31/10/2013 và Dương Quốc Minh, sinh ngày 18/9/2011 cho chị Bích L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con), chị Bích L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Bích L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Bích L xác không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị Bích L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001645, ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

